

THÔNG BÁO

Về việc tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2025-2026

Kính gửi: - UBND huyện Bầu Bàng
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bầu Bàng
- UBND các xã (thị trấn): Lai Uyên, Trừ Văn Thố, Lai Hưng, Long Nguyên, Tân Hưng, Hưng Hoà, Cây Trường.
- Hiệu trưởng các trường THCS: Lai Uyên, Long Bình, Quang Trung, Trừ Văn Thố, Lai Hưng, Tân Long, Cây Trường, Lê Quý Đôn, Mỹ Thạnh và các trường THCS lân cận.

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Công văn số 416/SGD&ĐT-KTQLCLGD ngày 12/02/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương về việc hướng dẫn tổ chức tuyển sinh lớp 6 THCS và lớp 10 THPT năm học 2025-2026;

Hiệu trưởng trường THPT Bầu Bàng thông báo kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2025-2026 của trường như sau:

1. **Chỉ tiêu tuyển sinh:** Năm học 2025- 2026, trường THPT Bầu Bàng tuyển sinh 13 lớp, 585 học sinh.

2. **Đối tượng tuyển sinh:** Bảo đảm đủ các tiêu chuẩn sau:

Học sinh, học viên (sau đây gọi chung là học sinh) tốt nghiệp trung học cơ sở, trong độ tuổi vào học lớp 10 theo quy định tại Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Đối với những học sinh được học vượt lớp ở cấp học trước hoặc học sinh vào lớp đầu cấp có độ tuổi thấp hoặc cao hơn tuổi quy định thì tuổi vào lớp 10 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm tốt nghiệp cấp học trước.

Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 3 tuổi so với tuổi quy định.

3. **Phương thức tuyển sinh**

3.1. **Thi tuyển**

Học sinh thi tuyển vào lớp 10 năm học 2025-2026 phải dự thi 03 môn bắt buộc là: Ngữ văn, Toán và Tiếng Anh (các môn Ngữ văn, Toán: thời gian làm bài 120 phút; môn Tiếng Anh: thời gian làm bài 60 phút).

Nội dung thi tuyển trong phạm vi chương trình THCS do Bộ GDĐT ban hành, chủ yếu ở chương trình lớp 9 và cấu trúc đề thi 03 môn bắt buộc Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh thực hiện theo Phụ lục 01.

Điểm bài thi (03 môn bắt buộc: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh) là tổng điểm thành phần của từng câu hỏi trong đề thi và được quy về thang điểm 10 (điểm lẻ đến 0,25 đối với môn Toán, Ngữ Văn và điểm lẻ đến 0,1 đối với môn Tiếng Anh); Điểm xét tuyển các môn thi bắt buộc Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh được tính hệ số 1 (không nhân hệ số).

3.2. Đối tượng tuyển thẳng

Tuyển thẳng vào các trường THPT công lập (trừ trường chuyên, trường chất lượng cao, lớp chất lượng cao của Trường THPT Dĩ An) bao gồm một trong các đối tượng học sinh sau:

- Học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người (dân tộc có số dân dưới 10.000 người) gồm 16 dân tộc trong danh mục các dân tộc rất ít người ở Việt Nam tại Công văn số 1208a/UBND-DTTS ngày 30/10/2015 của Ủy ban dân tộc;

- Học sinh khuyết tật;

- Học sinh đạt giải cấp quốc gia do Bộ GDĐT tổ chức hoặc phối hợp với các Bộ và cơ quan ngang Bộ tổ chức trên quy mô toàn quốc đối với các cuộc thi, kì thi, hội thi (sau đây gọi chung là cuộc thi) về văn hoá, văn nghệ, thể thao; cuộc thi nghiên cứu khoa học, kĩ thuật;

- Học sinh đạt giải quốc gia các môn văn nghệ, thể dục thể thao nhưng phải được xếp loại hạnh kiểm và học lực cuối năm lớp 9 đạt từ loại Khá trở lên.

* Lưu ý (Đối với học sinh khuyết tật): Trong hồ sơ của học sinh khuyết tật yêu cầu phải có danh sách đề nghị miễn thi tuyển sinh lớp 10 của Phòng GDĐT huyện, thành phố (họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, lớp, trường, dạng khuyết tật theo Giấy chứng nhận mức độ khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho người khuyết tật - Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019) và Kế hoạch giáo dục cá nhân ít nhất một năm lớp 9 năm học 2024-2025.

*** Hồ sơ xét tuyển thẳng**

- Đơn xin dự xét tuyển thẳng vào lớp 10 THPT (theo mẫu tại Phụ lục 2);
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
- Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời do Hiệu trưởng trường THCS cấp;
- Học bạ THCS (bản chính);

- Các loại hồ sơ liên quan khác: học sinh khuyết tật; học sinh đạt giải cấp quốc gia, quốc tế trong các lĩnh vực: Văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học.

*** Thời gian nhận hồ sơ**

Ngày 08/5/2025: Cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh liên hệ trường THCS đang theo học để nhận đơn dự xét tuyển thẳng. Thời gian Sở GDĐT nhận hồ sơ xét tuyển thẳng từ 08 giờ 00 ngày 12/5/2025 đến 16 giờ 00 ngày 16/5/2025.

*** Địa điểm nhận hồ sơ**

Bộ phận 01 của Sở GDĐT, Ô số 10, Tầng 1, Tháp B, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

4. Đăng ký dự thi

Thí sinh đăng ký dự thi trực tuyến từ ngày 12/5/2025 đến 16 giờ 00 ngày 17/5/2025.

4.1. Điều kiện đăng ký dự thi

Học sinh, học viên tốt nghiệp THCS trong độ tuổi vào lớp 10 theo quy định.

4.2. Hồ sơ đăng ký dự thi

Thí sinh đăng ký dự thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT bằng hình thức tuyển theo hướng dẫn của Hội đồng tuyển sinh từ ngày 12/5/2025 đến 16 giờ 00 ngày 17/5/2025. Hồ sơ đăng ký dự thi bao gồm:

- a) 01 File scan Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.
- b) 01 File scan Bằng tốt nghiệp THCS (đối với những học sinh TN THCS năm học trước) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (đối với những học sinh vừa TN THCS năm học 2024-2025) do Hiệu trưởng các trường THCS cấp.
- c) 01 File scan Bản chính học bạ THCS (Tất cả các trang học bạ có ghi thông tin học sinh phải được scan đúng chiều trong một file duy nhất).
- d) 01 File scan Giấy xác nhận thuộc diện được hưởng chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).
- đ) 01 File ảnh thẻ cỡ 3x4 (được chụp không quá 06 tháng tính đến ngày 12/5/2025).
- e) 01 File scan Căn cước công dân/Mã định danh.

*** Lưu ý:**

- Dung lượng từng file scan hồ sơ không vượt quá 10MB. File scan đã được xoay đúng chiều, thể hiện rõ ràng các thông tin của thí sinh.

- Giấy khai sinh mà học sinh nộp trong hồ sơ dự tuyển lớp 10 phải là giấy khai sinh đã được sử dụng từ cấp THCS (tránh tình trạng sử dụng giấy khai sinh trong 02 cấp học khác nhau). Trong trường hợp giấy khai sinh có thông tin không rõ ràng, có dấu hiệu tẩy xóa,... Hội đồng tuyển sinh yêu cầu học sinh cung cấp thêm bản chính giấy khai sinh để đối chiếu.

4.3. Đăng ký nguyện vọng

- Nguyện vọng 1: Trường THPT Bà Rịa
- Nguyện vọng 2: Là nguyện vọng thí sinh đăng ký vào một trường THPT công lập không chuyên khác với trường THPT Bà Rịa.

Lưu ý: Sau ngày 17/5/2025, thí sinh *không được thay đổi nguyện vọng đăng ký dự tuyển* vào các trường THPT công lập. Vì vậy để có cơ hội trúng tuyển cao hơn vào các trường THPT công lập, thí sinh cần phải cân nhắc thật kỹ việc đăng ký nguyện vọng tùy theo năng lực của bản thân trước khi quyết định làm hồ sơ đăng ký dự tuyển.

4.4. Điểm ưu tiên, khuyến khích

* Điểm ưu tiên

a) Cộng 2,0 điểm

Áp dụng cho những học sinh thuộc một trong các trường hợp sau:

- Con liệt sĩ;
- Con thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên;
- Con bệnh binh mất sức lao động từ 81% trở lên;
- Con của người được cấp giấy chứng nhận “người hưởng chính sách như thương binh” bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

b) Cộng 1,5 điểm

Áp dụng cho những học sinh thuộc một trong các trường hợp sau:

- Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động;
- Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;
- Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;
- Con của người được cấp Giấy chứng nhận “người hưởng chính sách như thương binh” bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%.

c) Cộng 1,0 điểm

Áp dụng cho những học sinh thuộc một trong các trường hợp sau:

- Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;
- Người dân tộc thiểu số.

* Lưu ý: Tổng điểm ưu tiên không quá 3,0 điểm.

* Điểm khuyến khích

a) Học sinh THCS đạt giải cấp tỉnh do Sở GDĐT tổ chức hoặc phối hợp với các sở, ngành tổ chức trên quy mô toàn tỉnh đối với các cuộc thi có tổ chức ở cấp quốc gia.

b) Điểm khuyến khích được cộng vào tổng điểm xét tuyển theo thang điểm 10 (mười). Trong đó, giải nhất được cộng 1,5 điểm; giải nhì được cộng 1,0 điểm; giải ba được cộng 0,5 điểm.

5. Lịch làm việc của Hội đồng coi thi

Ngày	Giờ	Nội dung	Thời gian làm bài
26/5/2025	08h00	Họp lãnh đạo các hội đồng coi thi (Chủ tịch, các Phó chủ tịch, Thư kí) tại Trường THPT Võ Minh Đức	
	14h00	Lãnh đạo các hội đồng coi thi làm việc tại Hội đồng.	
27/5/2025	07h00	Họp toàn thể hội đồng Coi thi.	
	09h00	Sinh hoạt quy chế thi.	
28/5/2025	07h00	Khai mạc Hội đồng thi;	
	08h00	Tổ chức thi môn Ngữ văn	120 phút
	14h00	Tổ chức thi môn Tiếng Anh	60 phút
29/5/2025	08h00	Tổ chức thi môn Toán	120 phút

6. Các mốc thời gian học sinh cần lưu ý

6.1. Nhận hồ sơ trực tuyến: Thí sinh đăng ký dự thi trực tuyến từ ngày 12/5/2025 đến 16 giờ 00 ngày 17/5/2025. Cách thức nhận hồ sơ trực tuyến nhà trường sẽ thông báo trên website: <http://www.thptbaubang.edu.vn>

6.2. Nhận thẻ dự thi: Thí sinh đã đăng ký dự thi trực tuyến và được Hội đồng tuyển sinh của nhà trường phê duyệt, đến trường nhận thẻ dự thi từ 8 giờ ngày 20/5/2025 đến 11 giờ cùng ngày (nếu thời gian có thay đổi, Hội đồng tuyển sinh của nhà trường sẽ thông báo trên website: <http://www.thptbaubang.edu.vn>)

Trên đây là Thông báo tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026 của trường THPT Bàu Bàng.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Sở GD-ĐT Bình Dương “Đề b/c”;
- UBND Huyện Bàu Bàng “Đề b/c”;
- Ông Nguyễn Phú Cường- CT UBND huyện “Đề b/c”;
- Phòng GDĐT huyện Bàu Bàng “để phối hợp”;
- Như kính gửi;
- Đài truyền thanh H.Bàu Bàng “nhờ thông báo”;
- Đài truyền thanh các xã, phường “nhờ thông báo”;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Tấn Bình

PHỤ LỤC 1**NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Công văn số 416 /SGDDĐT-KTQLCLGD ngày 12 /02 /2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Dương)

MÔN TOÁN**I. Nội dung**

Chủ đề	Nội dung	Tỉ lệ
Chủ đề 1	Phương trình và Hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.	11,5%
Chủ đề 2	Bất đẳng thức. Bất phương trình bậc nhất một ẩn.	7,5%
Chủ đề 3	Căn thức.	14,5%
Chủ đề 4	Hàm số $y=ax^2$ và đồ thị. Phương trình bậc hai một ẩn. Hệ thức Viète.	12,5%
Chủ đề 5	Hệ thức lượng trong tam giác vuông.	7,5%
Chủ đề 6	Đường tròn	9,5%
Chủ đề 7	Tứ giác nội tiếp. Đa giác đều.	13,5%
Chủ đề 8	Các hình khối trong thực tiễn (Hình trụ, hình nón, hình cầu).	7,5%
Chủ đề 9	Một số yếu tố thống kê	9,5%
Chủ đề 10	Một số yếu tố xác suất	6,5%
	Tổng cộng	100,00%

1. Một số thống nhất chung

Thống nhất cho học sinh được sử dụng các định nghĩa, khái niệm, kí hiệu, định lý, kiến thức trọng tâm, đọc hiểu - nghe hiểu, nhận xét, ghi chú, chú ý, lưu ý; những kết luận của vuông, tròn, pi, khám phá, tìm tòi - mở rộng, đọc thêm; các định lý được chứng minh ở phần bài tập của tất cả các bộ sách mà không cần phải chứng minh lại.

2. Thống nhất cụ thể một số kiến thức học sinh có thể sử dụng trong quá trình làm bài (*không cần phải chứng minh lại*):

2.1. Phần số học và đại số

2.1.1. Khi giải phương trình, hệ phương trình: Nếu học sinh biết sử dụng đúng dấu suy ra, tương đương hoặc nếu không sử dụng các dấu này thì vẫn chấm điểm

đầy đủ. Việc giải phương trình chỉ yêu cầu tìm đầy đủ các nghiệm của phương trình đó qua một số phép biến đổi phù hợp.

2.1.2. Các bất đẳng thức sau đây:

+ Với hai số thực không âm a, b thì: $\frac{a+b}{2} \geq \sqrt{ab}$. Đẳng thức xảy ra $\Leftrightarrow a = b$.

+ Với các số thực a, b, x, y thì $(a^2 + b^2)(x^2 + y^2) \geq (ax + by)^2$.

+ Với các số thực a, b tùy ý thì:

$$a^2 + b^2 \geq 2ab; (a+b)^2 \geq 4ab; 2(a^2 + b^2) \geq (a+b)^2.$$

2.2. Phần hình học

2.2.1. Tam giác cân, tam giác đều:

+ Trong một tam giác đều mỗi góc bằng 60° và ngược lại.
 + Tam giác cân có một góc bằng 60° thì tam giác đó là tam giác đều.
 + Nếu một tam giác có hai trong ba đường: trung tuyến, phân giác, đường cao xuất phát từ một đỉnh trùng nhau thì tam giác đó cân. Ngược lại, các đường trung tuyến, đường cao, đường phân giác xuất phát từ đỉnh của một tam giác cân thì trùng nhau.

+ Trong một tam giác, đường trung tuyến ứng với một cạnh và bằng một nửa cạnh đó thì tam giác này là tam giác vuông.

2.2.2. Quan hệ song song, vuông góc:

+ Hai đường thẳng cắt nhau và trong các góc tạo thành có một góc vuông được gọi là hai đường thẳng vuông góc với nhau.

+ Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì hai góc trong cùng phía bù nhau và ngược lại.

+ Hai góc cùng phụ (hoặc cùng bù) với một góc thứ ba thì bằng nhau.

+ Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với đường thẳng thứ ba thì song song với nhau.

+ Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau.

+ Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó sẽ vuông góc với đường thẳng còn lại.

2.2.3. Hệ thức trong tam giác vuông:

Cho tam giác ABC vuông tại A với đường cao AH. Khi đó ta có:

• $AB^2 = BH.BC; AC^2 = CH.CB.$

• $AB.AC = AH.BC.$

• $HB.HC = HA^2.$

$$\frac{1}{AH^2} = \frac{1}{AB^2} + \frac{1}{AC^2}.$$

2.2.4. Tỷ số lượng giác của góc nhọn:

Với mọi góc nhọn α thì:

$$\tan \alpha = \frac{\sin \alpha}{\cos \alpha}; \cot \alpha = \frac{\cos \alpha}{\sin \alpha};$$

$$\tan \alpha \cdot \cot \alpha = 1; \sin^2 \alpha + \cos^2 \alpha = 1.$$

2.2.5. Đường tròn:

- + Hai cung trên một đường tròn gọi là bằng nhau nếu chúng có cùng số đo.
- + Đường kính vuông góc với một dây thì đi qua trung điểm của dây ấy.
- + Đường kính đi qua trung điểm của một dây không đi qua tâm thì vuông góc với dây ấy.
- + Đường kính vuông góc với dây cung AB thì đi qua điểm chính giữa của cung AB và ngược lại.
- + Tam giác nội tiếp đường tròn có một cạnh là đường kính thì tam giác đó vuông.

2.2.6. Định lý Thalès và tính chất đường phân giác của tam giác:

- + Định lý Thalès vẫn đúng cho trường hợp đường thẳng song song cắt phần kéo dài của hai cạnh còn lại.
- + Mở rộng thêm định lý “Nếu một đường thẳng song song với một cạnh của tam giác và cắt hai cạnh còn lại thì nó tạo thành một tam giác mới có ba cạnh tương ứng tỉ lệ với ba cạnh của tam giác đã cho”.
- + Cho tam giác ABC có AE (E thuộc đường thẳng BC) là đường phân giác

$$\frac{EB}{EC} = \frac{AB}{AC}.$$

ngoài tại đỉnh A, khi đó:

II. Cấu trúc đề thi: thời gian 120 phút

Dạng câu hỏi	Số câu hỏi	Điểm	Mức độ tư duy
Phần I (câu trắc nghiệm khách quan)	12	3,0	50% Nhận biết – 50% Thông hiểu
Phần II (câu hỏi Đúng/Sai)	02	2,0	25% Nhận biết – 50% Thông hiểu- 25% Vận dụng
Phần III (tự luận)	3-5	5,0	20% Thông hiểu 80% Vận dụng
Tổng cộng	17-19	10,0	

MÔN NGŨ VĂN

I. Nội dung:

Kiểm tra 02 năng lực: Đọc và Viết

- Năng lực Đọc (4,0 điểm): Có 05 câu gồm:

+ Đọc hiểu nội dung

+ Đọc hiểu hình thức

+ Liên hệ so sánh, kết nối

+ Yêu cầu đối với ngữ liệu:

- Ngữ liệu chọn một trong các thể loại của chương trình Ngữ văn lớp 9;
- Ngữ liệu không nằm trong 03 bộ sách từ lớp 1 đến lớp 12;
- Nó phải chứa đựng những yếu tố tiêu biểu của thể loại cần đánh giá;
- Phù hợp với năng lực, tâm sinh lí của học sinh;
- Chuẩn về thể loại, chuẩn về câu chữ, chuẩn về tư tưởng;
- Nguồn dẫn cụ thể, chính xác;
- Hạn chế tối đa việc sử dụng những văn bản dịch;
- Tổng độ dài của ngữ liệu không quá 1300 chữ kể cả phần cước chú;
- Nếu ngữ liệu là văn xuôi cần có phần tóm tắt bối cảnh;
- Nên lấy những văn bản của những tác giả có trong sách giáo khoa

- Năng lực Viết (6,0 điểm): có 02 phần

+ Nếu ngữ liệu đọc hiểu là văn bản nghị luận xã hội hoặc văn bản thông tin thì phần nghị luận xã hội yêu cầu viết đoạn văn, nghị luận văn học yêu cầu viết bài văn. Nếu ngữ liệu đọc hiểu là văn bản văn học hoặc văn bản nghị luận văn học thì phần nghị luận xã hội yêu cầu viết bài văn, nghị luận văn học viết đoạn văn.

+ Quá trình chấm phải căn cứ vào khung hướng dẫn chấm: Khung hướng dẫn chấm phải căn cứ vào yêu cầu cần đạt của khung chương trình GDPT 2018 và định dạng cấu trúc đề.

+ Phần Viết có thể tận dụng ngữ liệu của phần Đọc.

+ Phải cung cấp phần gợi ý hướng dẫn chấm để học sinh viết có mục đích.

II. Cấu trúc đề thi:

- Hình thức: Tự luận

- Thời gian: 120 phút

- Nội dung: gồm 02 phần:

+ Phần 1: Đọc (4,0 điểm) (Gồm 1 trong 3 loại văn bản: Văn học, Nghị luận, Thông tin)

+ Phần 2: Viết (6,0 điểm)

• Viết đoạn văn (2,0 điểm): Nghị luận xã hội hoặc Nghị luận văn học.

• Viết bài văn (4,0 điểm): Nghị luận xã hội hoặc Nghị luận văn học.

TT	Thành phần năng lực	Nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						Tổng
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	

I	Năng lực Đọc	<i>Văn bản đọc hiểu</i>	5	2	10%	2	20%	1	10%	40%
II	Năng lực Viết	<i>Viết đoạn văn</i>	1	5%		5%		10%		20%
		<i>Viết bài văn</i>	1	7,5%		10%		22,5%		40%
Tỉ lệ %				22,5%		35%		42,5%		100%
Tổng			7	100%						

Lưu ý: Yêu cầu chung về ma trận đề

- Phải bám sát yêu cầu cần đạt của chương trình GDPT năm 2018 ở từng thể loại
- Đảm bảo 03 mức độ nhận thức: nhận biết, thông hiểu, vận dụng theo tỉ lệ đã thống nhất, sắp xếp theo mức độ nhận thức từ thấp đến cao.

MÔN TIẾNG ANH

1. Nội dung:

Chủ điểm, chủ đề tập trung vào chương trình học của khối 9 hiện hành; kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng ngôn ngữ nằm trong chương trình học của cấp THCS ở trình độ A2 (bậc 2) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

2. Cấu trúc đề thi: Thời gian 60 phút

Gồm 05 phần:

I. Listening: 02 điểm (10 câu hỏi x 0.2 điểm)

II. Pronunciation and Communication: 02 điểm (10 câu hỏi x 0.2 điểm)

III. Grammar and Vocabulary: 02 điểm (10 câu hỏi x 0.2 điểm)

IV. Reading: 02 điểm (10 câu hỏi x 0.2 điểm)

V. Writing: 02 điểm (1 bài viết từ 100 đến 120 từ, theo các dạng bài viết đã học trong chương trình cấp THCS).

(Kèm theo Công văn số 416 /SGDDĐT-KTQLCLGD ngày 12 /02 /2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Dương)

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ XÉT TUYỂN VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Năm học 2025-2026

[illegible]

....., ngày.....tháng.....năm 2025

Hoc sinh

(ký, ghi rõ họ tên)

Tôi tên:

Là Phụ huynh của học sinh:

Sau khi xem kỹ nội dung của đơn đăng ký dự xét tuyển và những quy định dự xét tuyển thẳng vào lớp 10 THPT năm học 2025-2026, tôi cam kết sẽ thực hiện đúng quy định tuyển sinh.

....., ngày.....tháng.....năm 2025

Phu huynh học sinh

(ký, ghi rõ họ tên)